

ใบงานเรียงประโยคภาษาจีน

♥ เรียงคำให้เป็นประโยคที่ถูกต้อง ♥



ชื่อ-สกุล : _____ ชั้น : _____ เลขที่ : _____

1.

Nǐmen rènshi zěnme shì de
你们 / 认识 / 怎么 / 是 / 的

→ _____



2.

Wǒmen yǒu hěn duō gòngtóng de ài hào
我们 / 有 / 很多 / 共同的 / 爱好

→ _____



3.

Xià gè yuè Wǒ jiù yào le jiéhūn
下个月 / 我 / 就要 / 了 / 结婚

→ _____



4.

Shēnghuó yìzhí hěn xìngfú Wǒmen de
生活 / 一直 / 很幸福 / 我们的

→ _____



5.

jiēshòu yào duìfāng de quēdiǎn Wǒmen
接受 / 要 / 对方的 / 缺点 / 我们

→ _____



LIVEWORKSHEETS